

Số: /QĐ-SKHCN

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên của các đối tượng nghỉ theo chế độ, chính sách tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán NSNN năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ theo Phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và các Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Trang TTĐT Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, VP (N, 02).

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hoàn

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa

Chương: 417

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày 31/12/2025 của Giám đốc
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:		
				Văn phòng Sở	Trung tâm Chuyên đổi số	Trung tâm Thông tin và UDKHCN
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	-2.953.000.000	-2.953.000.000	-2.583.000.000	-297.000.000	-73.000.000
1	Chi quản lý nhà nước	-2.583.000.000	-2.583.000.000	-2.583.000.000	0	0
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	-1.691.000.000	-1.691.000.000	-1.691.000.000	0	0
	Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2029/NĐ-CP	-1.366.000.000	-1.366.000.000	-1.366.000.000	0	0
	Kinh phí hoạt động theo định mức	-325.000.000	-325.000.000	-325.000.000	0	0
1.2	KP cải cách tiền lương	-892.000.000	-892.000.000	-892.000.000	0	0
	Kinh phí tiền lương NĐ 24/2023/NĐ-CP	-284.000.000	-284.000.000	-284.000.000	0	0
	Kinh phí tiền lương NĐ 73/2024/NĐ-CP	-608.000.000	-608.000.000	-608.000.000	0	0
1.3	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp kinh tế	-370.000.000	-370.000.000	0	-297.000.000	-73.000.000
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	-255.000.000	-255.000.000	0	-206.000.000	-49.000.000
	Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2029/NĐ-CP	-211.000.000	-211.000.000	0	-170.000.000	-41.000.000
	Kinh phí hoạt động theo định mức	-44.000.000	-44.000.000	0	-36.000.000	-8.000.000
1.2	KP cải cách tiền lương	-115.000.000	-115.000.000	0	-91.000.000	-24.000.000
	Kinh phí tiền lương NĐ 24/2023/NĐ-CP	-42.000.000	-42.000.000	0	-33.000.000	-9.000.000
	Kinh phí tiền lương NĐ 73/2024/NĐ-CP	-73.000.000	-73.000.000	0	-58.000.000	-15.000.000

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm Chuyển đổi số	Trung tâm Thông tin và ƯDKHCN	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=5+6+7+8</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	
1.3	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	